

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

đã được soát xét



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	6 - 39
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	13 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần DS3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Công ty Cổ phần DS3 (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3) tiền thân là Đoạn Quản lý Đường sông số 3, trực thuộc Cục Đường sông Việt Nam. Công ty chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4010/QĐ-BGTVT của Bộ giao thông vận tải ngày 25/10/2005. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000524 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 1 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Hoạt động chính của Công ty: Quản lý, bảo dưỡng đường thủy nội địa; tư vấn lập phương án và tổ chức, điều tiết, khống chế đảm bảo giao thông đường thủy nội địa; Xây dựng công trình.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Hoàng Hà Phương	Chủ tịch	
Ông Đào Vũ Chính	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Ông Hoàng Thanh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9/4/2025
Bà Lê Thị Minh Thu	Thành viên (không điều hành)	Miễn nhiệm ngày 9/4/2025
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên (không điều hành)	

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 10/4/2025
Bà Lê Thúy Diệp	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 9/4/2025
Bà Đặng Thị Hường	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 9/4/2025
Bà Hoàng Thị Thu Hảo	Thành viên BKS	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đào Vũ Chính	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Lý	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2025


Tổng giám đốc

Đào Vũ Chinh

Số : 14.07.1.1/25/BCTC/NVA.VP

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DS3**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần DS3, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2025 từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần DS3 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc tại ngày 30/06/2024 của Công ty Cổ phần DS3 đã được kiểm toán và soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác, với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 19/03/2025 và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ ngày 13/08/2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA

Phó Tổng Giám đốc



Cao Thị Hồng Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2023-152-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.662.697.476	40.828.087.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.728.385.046	5.650.243.915
1. Tiền	111		5.728.385.046	5.650.243.915
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.552.534.996	26.347.209.511
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	53.399.461.067	37.397.361.394
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.836.193.846	7.102.008.320
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	8.876.958.124	10.096.266.838
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(28.560.078.041)	(28.248.427.041)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	5.099.390.760	5.232.353.361
1. Hàng tồn kho	141		8.771.907.915	8.904.870.516
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.672.517.155)	(3.672.517.155)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.282.386.674	3.598.280.616
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	45.563.893	65.105.030
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.189.206.108	3.485.558.913
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	47.616.673	47.616.673
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		112.381.824.492	115.544.660.790
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		47.000.000.000	47.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	47.000.000.000	47.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		1.015.470.614	1.296.556.428
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.015.470.614	1.296.556.428
- Nguyên giá	222		15.222.691.967	15.222.691.967
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.207.221.353)	(13.926.135.539)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.08	54.576.564.720	56.086.798.054
- Nguyên giá	231		56.841.914.721	56.841.914.721
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.265.350.001)	(755.116.667)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.675.455	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	63.675.455	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	980.000.000	980.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		980.000.000	980.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.746.113.703	10.181.306.308
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	8.746.113.703	10.181.306.308
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		161.044.521.968	156.372.748.193

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		63.821.085.651	64.839.876.777
I. Nợ ngắn hạn	310		29.273.303.872	22.606.129.454
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	13.914.574.474	10.642.690.022
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.530.000.000	2.950.538.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	-	-
4. Phải trả người lao động	314		2.176.046.067	2.208.107.183
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	847.742.874	691.168.172
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	422.825.980	425.193.872
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	9.128.948.316	5.385.965.544
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	253.166.161	302.466.161
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		34.547.781.779	42.233.747.323
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	34.547.781.779	42.233.747.323
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.223.436.317	91.532.871.416
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	97.223.436.317	91.532.871.416
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		106.697.300.000	106.697.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		106.697.300.000	106.697.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.155.617.066	2.155.617.066

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.629.480.749)	(17.320.045.650)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(17.320.045.650)	(26.146.715.623)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.690.564.901	8.826.669.973
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		161.044.521.968	156.372.748.193

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Khánh Ly

Lưu Thị Lý

Đào Vũ Chinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	40.534.336.218	11.161.994.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		40.534.336.218	11.161.994.876
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	29.305.192.776	8.432.979.741
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.229.143.442	2.729.015.135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.802.835	849.361
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.624.445.877	531.253.424
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.624.445.877	531.253.424
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	2.823.351.590	1.613.839.520
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.783.148.810	584.771.552
11. Thu nhập khác	31	VI.06	27.780	371.048
12. Chi phí khác	32	VI.07	1.092.611.689	790.189
13. Lợi nhuận khác	40		(1.092.583.909)	(419.141)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.690.564.901	584.352.411
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.690.564.901	584.352.411
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	533	55
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	533	55

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Khánh Ly



Lưu Thị Lý



Đào Vũ Chinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		27.099.662.441	25.441.398.880
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(16.979.290.401)	(23.356.994.108)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.284.637.511)	(600.201.853)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.467.871.175)	(1.342.754.794)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.699.651.692	3.666.722.200
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(2.980.826.523)	(5.520.399.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.086.688.523	(1.712.229.323)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(67.367.455)	(34.276.861.160)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.802.835	849.361
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(65.564.620)	(30.276.011.799)

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.350.000.000	34.150.115.007
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.292.982.772)	(5.765.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.942.982.772)	28.385.115.007
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		78.141.131	(3.603.126.115)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	5.650.243.915	6.274.469.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	5.728.385.046	2.671.343.590

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Khánh Ly

Lưu Thị Lý

Đào Vũ Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 01. Hình thức sở hữu vốn:** là Công ty Cổ phần.
- 02. Lĩnh vực kinh doanh:** Quản lý, bảo dưỡng đường thủy nội địa; tư vấn lập phương án và tổ chức, điều tiết, khống chế đảm bảo giao thông đường thủy nội địa; Xây dựng công trình.
- 03. Ngành nghề kinh doanh:**
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
- Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành. Chi tiết: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Tư vấn, lập phương án và tổ chức; Điều tiết, khống chế bảo đảm giao thông đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoa tiêu đường thủy nội địa; Nạo vét, trục vớt, thanh thải chướng ngại vật đường thủy nội địa;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Massage;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, duy tu kè, cột thủy trí, chính trị sông...; Sản xuất và sửa chữa lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)./.
- 04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- 05. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, số nhân viên của Công ty là 55 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 42 người).

06. Cấu trúc doanh nghiệp**Các đơn vị trực thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp cơ khí – Công trình	Tổ 1, Khu 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần DS3 tại Hà Nội (*)	Số 6, phố Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(*) Công ty quyết định tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 3 tại Hà Nội từ ngày 15/8/2024 đến ngày 14/8/2025 theo Công văn số 57/CV-DS3 ngày 15 tháng 8 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

07. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

Số liệu BCTC Tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC Tổng hợp năm 2024 và số liệu BCTC Tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

03. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 11

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa	25
Máy móc và thiết bị	07-10
Phương tiện và dụng cụ quản lý khác	6-10
Các loại tài sản cố định hữu hình khác	6

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

07. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

08. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là vay ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là vay dài hạn.

Trường hợp khoản nợ vay bằng ngoại tệ thì tại thời điểm cuối năm các khoản nợ vay có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc thông báo chia cổ tức cho các cổ đông đã được phê duyệt.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê. Doanh thu cho thuê được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
-Tiền		
+ Tiền mặt	473.575.618	40.270.250
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.254.809.428	5.609.973.665
Cộng	5.728.385.046	5.650.243.915

02. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	53.399.461.067	(28.560.078.041)	37.397.361.394	(28.248.427.041)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>19.556.180.369</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Nalico	19.556.180.369	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>33.843.280.698</i>	<i>(28.560.078.041)</i>	<i>37.397.361.394</i>	<i>(28.248.427.041)</i>
- Công ty Cổ phần du lịch AST	25.413.305.138	(25.413.305.138)	25.413.305.138	(25.413.305.138)
- Ban quản lý Vịnh Hạ Long	2.131.354.607	-	3.033.426.203	-
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Hạ tầng Vân Đồn	989.970.000	-	1.489.970.000	-
- Công ty CP Xây dựng cầu 75	1.386.238.000	(1.386.238.000)	1.386.238.000	(1.386.238.000)
- Công ty TNHH Quan Minh	1.448.883.903	(1.448.883.903)	1.448.883.903	(1.448.883.903)
- Các khách hàng khác	2.473.529.050	(311.651.000)	4.625.538.150	-
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	53.399.461.067	(28.560.078.041)	37.397.361.394	(28.248.427.041)

03. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.836.193.846	-	7.102.008.320	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Five-Star Việt Nam	1.364.085.526	-	6.000.000.000	-
- Công ty TNHH Một Thành viên Đường An Phú	472.108.320	-	998.108.320	-
- Các khách hàng khác	-	-	103.900.000	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.836.193.846	-	7.102.008.320	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**04. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	8.876.958.124	-	10.096.266.838	-
- Tạm ứng	25.022.500	-	70.098.919	-
- Ký cược, ký quỹ	632.123.593	-	1.798.800.516	-
- Bà Nguyễn Thị Việt Loan – ký cược, ký quỹ (*)	8.083.333.322	-	8.083.333.322	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136.478.709	-	144.034.081	-
b. Phải thu dài hạn khác	47.000.000.000	-	47.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Việt Loan – ký cược, ký quỹ (*)	26.000.000.000	-	26.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Thương mại xây dựng Sông Hồng (**)	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Cộng	55.876.958.124	-	57.096.266.838	-

(*) Theo Hợp đồng đặt cọc số 19A/2017/HĐĐC-ĐS3 ký ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại Số 06 Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Số tiền đặt cọc là 40 tỷ đồng trong thời gian 20 năm, để đảm bảo thực hiện Hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh khách sạn tại số 06 Lương Ngọc Quyến, Hoàn Kiếm, Hà Nội số 19/2016/HĐTKS-ĐS3 ký ngày 22 tháng 10 năm 2016 giữa Bà Nguyễn Thị Việt Loan và Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (DS3). Số tiền đặt cọc được giải tỏa dần hàng tháng và được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê địa điểm kinh doanh kể từ tháng 6 năm 2017. Nếu trong thời gian của hợp đồng, DS3 từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì sẽ bị mất toàn bộ tiền đặt cọc; nếu Bà Nguyễn Thị Việt Loan từ chối nghĩa vụ đã thỏa thuận thì ngoài việc hoàn trả số tiền đặt cọc còn phải nộp phạt số tiền bằng số tiền đặt cọc.

Theo Biên bản 02/2020/HĐTKD.DS3 ngày 01/7/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 và Bà Nguyễn Thị Việt Loan. Hai Bên thống nhất tạm ngừng Hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi đi đến quyết định tiếp tục Hợp đồng hoặc thanh lý Hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh số 19/2016/HĐTKS.DS3 ngày 22/10/2016 tại địa chỉ số 06 Phố Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Theo Biên bản gia hạn thanh toán năm 2024 Bà Nguyễn Thị Việt Loan sẽ hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần DS3 số tiền đặt cọc theo tiến độ sau:

Lần 1: thanh toán số tiền 8.083.333.322 đồng chậm nhất ngày 31/12/2025.

Lần 2: thanh toán số tiền 12.000.000.000 đồng chậm nhất ngày 31/12/2026.

Lần 3: thanh toán số tiền 14.000.000.000 đồng chậm nhất ngày 31/12/2027.

(**) Theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 12/2021/HĐHTĐT ký ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 3 (DS3) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Sông Hồng. Theo đó, DS3 đồng ý dùng tư cách pháp nhân của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Sông Hồng ký hợp đồng và làm việc với các bên liên quan khác để thực hiện Dự án Xây dựng lại Chung cư cũ D3-D4 Giảng Võ thành tổ hợp các công trình cao tầng có công năng sử dụng làm văn phòng, nhà ở, nhà tái định cư và trung tâm thương mại (để bán và cho thuê) theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên khu đất có diện tích 7.133m² tại Khu tập thể D3-D4 phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. DS3 góp vốn bằng 1,5% tổng vốn đầu tư dự án là 2.000.000.000.000 đồng x 1,5% tương đương 30.000.000.000 đồng chia làm 2 lần góp: Lần 1 góp 21.000.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng, lần 2 là 9.000.000.000 đồng còn lại sau khi công trình thi công được 90% khối lượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**05. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Du lịch AST	Khó có khả năng thu hồi	25.413.305.138	-	Khó có khả năng thu hồi	25.413.305.138	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75	Công nợ trên 3 năm	1.386.238.000	-	Công nợ trên 3 năm	1.386.238.000	-
- Công ty TNHH Quang Minh	Công nợ trên 3 năm	1.448.883.903	-	Công nợ trên 3 năm	1.448.883.903	-
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Quảng Yên	Khó có khả năng thu hồi	214.652.000	-		-	-
- Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Vân Đồn	Khó có khả năng thu hồi	67.971.000	-		-	-
- Phòng quản lý đô thị TP Hạ long	Khó có khả năng thu hồi	29.028.000	-		-	-
Cộng		28.560.078.041	-		28.248.427.041	-

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	77.872.146	(77.872.146)	77.872.146	(77.872.146)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.694.035.769	(3.594.645.009)	8.826.998.370	(3.594.645.009)
Cộng	8.771.907.915	(3.672.517.155)	8.904.870.516	(3.672.517.155)

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>3.891.732.521</i>	<i>787.083.065</i>	<i>10.543.876.381</i>	<i>15.222.691.967</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>3.891.732.521</i>	<i>787.083.065</i>	<i>10.543.876.381</i>	<i>15.222.691.967</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>3.726.260.012</i>	<i>787.083.065</i>	<i>9.412.792.462</i>	<i>13.926.135.539</i>
- Khấu hao trong kỳ	76.154.884	-	204.930.930	281.085.814
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>3.802.414.896</i>	<i>787.083.065</i>	<i>9.617.723.392</i>	<i>14.207.221.353</i>
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>165.472.509</i>	-	<i>1.131.083.919</i>	<i>1.296.556.428</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>89.317.625</i>	-	<i>926.152.989</i>	<i>1.015.470.614</i>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 10.179.778.557 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá	56.841.914.721	-	-	56.841.914.721
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà cửa, máy móc, thiết bị	56.841.914.721	-	-	56.841.914.721
II. Giá trị hao mòn lũy kế	755.116.667	1.510.233.334	-	2.265.350.001
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà cửa, máy móc, thiết bị	755.116.667	1.510.233.334	-	2.265.350.001
III. Giá trị còn lại	56.086.798.054	-	-	54.576.564.720
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà cửa, máy móc, thiết bị	56.086.798.054	-	-	54.576.564.720

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, bất động sản đầu tư là toàn bộ nhà cửa, máy móc, thiết bị thuộc tổ hợp Nhà dịch vụ, thương mại và khách sạn tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 56.841.914.721 đồng và 54.576.564.720 đồng đã được thể chấp để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (xem thuyết minh số V.17).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

09. Xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ	Số cuối kỳ
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	63.675.455	-	63.675.455
Cộng	-	63.675.455	-	63.675.455

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư khác	980.000.000	-	980.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Đường An Phú (*)	980.000.000	-	980.000.000	-
Cộng	980.000.000	-	980.000.000	-

(*) Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty Cổ phần DS3 đã góp số tiền 980.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Đường An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	45.563.893	65.105.030
- Công cụ dụng cụ	15.187.197	9.635.000
- Chi phí bảo hiểm	17.600.000	35.200.000
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.776.696	20.270.030
b. Dài hạn	8.746.113.703	10.181.306.308
- Công cụ dụng cụ	70.375.116	48.238.001
- Trang thiết bị, nội thất khách sạn (*)	7.771.958.003	9.553.525.638
- Chi phí sửa chữa	898.489.539	579.542.669
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.291.045	-
Cộng	8.791.677.596	10.246.411.338

(*) Trang thiết bị, nội thất khách sạn thuộc Tổ hợp Nhà dịch vụ, thương mại và khách sạn tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long đang được thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (Xem thuyết minh số V.17).

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	13.914.574.474	13.914.574.474	10.642.690.022	10.642.690.022
- Công ty CP Đảm bảo An toàn Đường thủy Mạnh Hưng	2.666.532.727	2.666.532.727	2.527.032.727	2.527.032.727
- Công ty CP Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 7	1.282.394.613	1.282.394.613	1.282.394.613	1.282.394.613
- Công ty TNHH Sản Xuất Dịch Vụ Minh Kỳ	1.187.555.759	1.187.555.759	129.311.759	129.311.759
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Đại Liên	1.659.194.800	1.659.194.800	960.787.721	960.787.721
- Công ty TNHH Đầu Tư Xây Lắp Và TM Phú Minh	4.989.194.429	4.989.194.429	3.293.621.541	3.293.621.541
- Các nhà cung cấp khác	2.129.702.146	2.129.702.146	2.449.541.661	2.449.541.661
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	13.914.574.474	13.914.574.474	10.642.690.022	10.642.690.022

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.530.000.000	2.950.538.500
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Yên	2.300.000.000	2.300.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Thanh Phong	230.000.000	-
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên	-	650.538.500
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	2.530.000.000	2.950.538.500

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.783.707	-	-	14.783.707
- Thuế thu nhập cá nhân	32.832.966	-	-	32.832.966
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	47.616.673	3.000.000	(3.000.000)	47.616.673

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	847.742.874	691.168.172
+ Phải trả các bên liên quan	821.595.614	647.732.053
- Ông Nguyễn Quang Hải - lãi vay	124.031.506	115.093.150
- Ông Hoàng Hà Phương - lãi vay	69.464.383	53.786.301
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico - lãi vay	628.099.725	478.852.602
+ Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	26.147.260	43.436.119
- Lãi vay phải trả ngân hàng Viettinbank	26.147.260	43.436.119
b. Dài hạn	-	-
Cộng	847.742.874	691.168.172

16. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải trả ngắn hạn khác	422.825.980	425.193.872
- Kinh phí công đoàn	59.237.196	63.685.735
- Bảo hiểm xã hội	290.130	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.788	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Sông Hồng	215.000.000	215.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	148.283.866	146.508.137
b. Phải trả dài hạn khác	-	-
Cộng	422.825.980	425.193.872

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3
 Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vay và nợ thuế tài chính	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	5.385.965.544	5.385.965.544	9.035.965.544	5.292.982.772	9.128.948.316	9.128.948.316
+ Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	700.000.000	700.000.000	4.350.000.000	2.950.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000
- Ông Nguyễn Quang Hải (1)	450.000.000	450.000.000	-	200.000.000	250.000.000	250.000.000
- Ông Hoàng Hà Phương (2)	-	-	4.000.000.000	2.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Ông Đào Vũ Chinh	250.000.000	250.000.000	-	250.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico (3)	-	-	350.000.000	-	350.000.000	350.000.000
+ Vay dài hạn đến hạn trả	4.685.965.544	4.685.965.544	4.685.965.544	2.342.982.772	7.028.948.316	7.028.948.316
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	42.233.747.323	42.233.747.323	-	7.685.965.544	34.547.781.779	34.547.781.779
+ Vay dài hạn ngân hàng	34.363.747.323	34.363.747.323	-	4.685.965.544	29.677.781.779	29.677.781.779
- Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Thành An (Hà Nội) (4)	34.363.747.323	34.363.747.323	-	4.685.965.544	29.677.781.779	29.677.781.779
+ Vay dài hạn các bên liên quan	7.870.000.000	7.870.000.000	-	3.000.000.000	4.870.000.000	4.870.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico (3)	7.870.000.000	7.870.000.000	-	3.000.000.000	4.870.000.000	4.870.000.000
Cộng	47.619.712.867	47.619.712.867	9.035.965.544	12.978.948.316	43.676.730.095	43.676.730.095

- (1) Là khoản vay ông Nguyễn Quang Hải thời hạn vay tối đa 12 tháng. Phụ lục hợp đồng ngày 29/12/2023 thay đổi lãi suất thành 5%/năm và Phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2024 gia hạn thời gian vay đến 30/09/2025.
- (2) Là khoản vay ông Hoàng Hà Phương theo hợp đồng vay số 05/HDVV/HHP-DS3 ngày 15/05/2025 thời hạn vay tối đa 12 tháng, lãi suất 5%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(3) Là khoản vay Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Nalico theo các hợp đồng sau:

- + Hợp đồng số 06/HĐVV/NLC-DS3 ngày 22/01/2025 số tiền vay tối đa 350.000.000 VND, thời hạn vay tối đa 06 tháng tính từ ngày giải ngân, lãi suất 5%/năm.
- + Hợp đồng cho vay số 03/HĐCV/NLC-DS3 ngày 30/5/2023 số tiền 19.000.000.000 VND, thời hạn tối đa 36 tháng, lãi suất 12%/năm. Mục đích vay là để trả lại phần vốn góp của Công ty TNHH Hai thành viên An Phú góp vào Công ty Cổ phần DS3 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18.1/2018/HĐHTKD-ĐS3-AP ký ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần DS3 và Công ty TNHH Hai thành viên An Phú số tiền 11.289.950.000 VND; Thanh toán nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Đường An Phú với giá trị phần vốn góp là 7.350.000.000 VND và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2023 thay đổi lãi suất thành 6%/năm.
- (4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 2003/2024-HDDCVDADDT/NHCT320-DS3 ngày 18 tháng 03 năm 2024. Số tiền cam kết cho vay có tổng giá trị không vượt quá 40.000.000.000 đồng và không vượt quá 54,5% tổng chi phí thực tế đầu tư cho dự án. Mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư xây dựng Dự án Nhà dịch vụ, thương mại và khách sạn tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long. Thời hạn cho vay 84 tháng được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay quy định từng từng giấy nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1503/2024/HĐBĐ/NHCT320-CR079033 ngày 19 tháng 03 năm 2024 tài sản thế chấp của bên thứ 3 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; theo giấy chứng nhận số CR 079033 số vào sổ cấp GCN: SC 02039 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 01/03/2019 của bà Đỗ Thị Thúy Hằng. Giá trị tài sản thế chấp 12.563.000.000 đồng.
- Theo hợp đồng thế chấp đồng sản hình thành trong tương lai số 2503/2024/HĐBĐ/NHCT320-DS3 ngày 28/3/2024 tài sản thế chấp là toàn bộ động sản đang tồn tại và sẽ hình thành trong tương lai của Dự án Nhà dịch vụ, thương mại và khách sạn tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Theo Biên bản định giá lại tài sản thế chấp số 01/2025/BBĐG/NHCT320-CR 079033 ngày 20/1/2025 giá trị tài sản đảm bảo là 58.393.934.520 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	302.466.161	327.641.161
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi quỹ	(49.300.000)	(25.175.000)
Số cuối kỳ	253.166.161	302.466.161

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	106.697.300.000	2.155.617.066	(26.146.715.623)	82.706.201.443
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	8.826.669.973	8.826.669.973
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	106.697.300.000	2.155.617.066	(17.320.045.650)	91.532.871.416
Số dư đầu năm nay	106.697.300.000	2.155.617.066	(17.320.045.650)	91.532.871.416
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5.690.564.901	5.690.564.901
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	106.697.300.000	2.155.617.066	(11.629.480.749)	97.223.436.317

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	106.697.300.000	106.697.300.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	106.697.300.000	106.697.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.669.730	10.669.730
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	10.669.730	10.669.730
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.669.730	10.669.730
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.669.730	10.669.730
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.669.730	10.669.730
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

d) Chi tiết vốn góp chủ sở hữu đến ngày 30/06/2025

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
+ Ông Nguyễn Quang Hải	5.500.000.000	5,16%	5.500.000.000	5,16%
+ Ông Hoàng Hà Phương	24.407.000.000	22,87%	24.407.000.000	22,87%
+ Các cổ đông khác	76.790.300.000	71,97%	76.790.300.000	71,97%
Cộng	106.697.300.000	100,00%	106.697.300.000	100,00%

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.534.336.218	11.161.994.876
- <i>Doanh thu quản lý, bảo trì, tư vấn giám sát, lắp đặt đường thủy</i>	12.098.722.825	1.013.300.000
- <i>Doanh thu xây dựng</i>	22.761.609.320	9.754.808.876
- <i>Doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản, khách sạn</i>	5.674.004.073	393.886.000
+ Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	40.534.336.218	11.161.994.876

Trong đó doanh thu xây dựng bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico – Doanh thu xây dựng	22.761.609.320	9.754.808.876

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn quản lý, bảo trì, tư vấn giám sát, lắp đặt đường thủy	7.299.814.120	816.314.582
- Giá vốn xây dựng	18.740.540.660	7.540.949.514
- Giá vốn dịch vụ cho thuê tài sản, khách sạn	3.264.837.996	75.715.645
Cộng	29.305.192.776	8.432.979.741

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi	1.802.835	849.361
Cộng	1.802.835	849.361

04. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí lãi vay	1.624.445.877	531.253.424
Cộng	1.624.445.877	531.253.424

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	1.282.118.437	577.144.929
- Chi phí đồ dùng văn phòng	440.877.170	304.718.924
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.486.533	222.008.541
- Thuế, phí và lệ phí	4.877.750	8.146.050
- Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	311.651.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	437.781.248	439.889.872
- Các chi phí khác	305.559.452	61.931.204
Cộng	2.823.351.590	1.613.839.520

06. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản thu nhập khác	27.780	371.048
Cộng	27.780	371.048

07. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản phạt, chậm nộp	10.939	-
- Chi phí bồi thường cho BQL dự án	1.092.249.403	-
- Chi phí khác	351.347	790.189
Cộng	1.092.611.689	790.189



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.690.564.901	584.352.411
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.092.260.342	-
Các khoản điều chỉnh tăng	1.092.260.342	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.092.260.342	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.782.825.243	584.352.411
Lỗi các năm trước được chuyển	(6.782.825.243)	(584.352.411)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

09. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	5.690.564.901	584.352.411
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.690.564.901	584.352.411
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.669.730	10.669.730
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	533	55

(*) Theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.929.962.875	1.004.682.238
- Chi phí nhân công	3.843.882.758	2.121.323.080
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.791.319.148	404.525.642
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.641.964.296	8.459.781.349
- Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	311.651.000	-
- Chi phí khác	476.801.688	74.377.254
Cộng	31.995.581.765	12.064.689.563

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Bù trừ công nợ phải thu phải trả	308.935.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Quang Hải - Thành viên HĐQT		
- Trả tiền vay	200.000.000	-
- Phải trả tiền lãi vay	8.938.356	11.219.178
Ông Hoàng Hà Phương - Chủ tịch HĐQT		
- Phải trả tiền vay	4.000.000.000	3.400.000.000
- Trả tiền vay	2.500.000.000	2.370.000.000
- Phải trả tiền lãi vay	15.678.082	25.582.191
- Trả tiền lãi vay	-	149.490.411
- Phải thu tiền thuế TNCN lãi vay	-	7.474.521

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ông Hoàng Thanh Tùng – Phó Tổng giám đốc		
- Tạm ứng	-	1.500.000.000
- Hoàn ứng	-	1.500.000.000
Ông Đào Vũ Chinh - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
- Tạm ứng	-	2.000.000.000
- Hoàn ứng	-	2.000.000.000
- Phải trả tiền vay	-	95.000.000
- Trả tiền vay	250.000.000	95.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.15.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Tài sản thế chấp là BĐS tại Xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của bà Đỗ Thị Thúy Hằng vợ của ông Hoàng Hà Phương là thành viên quản lý chủ chốt đang được Công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (xem thuyết minh số V.17).

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Ông Đào Vũ Chinh – Thành viên HĐQT	161.964.000	170.562.539
- Ông Hoàng Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc	140.640.000	42.818.353
- Bà Lê Thị Minh Thu – Thành viên HĐQT	11.936.688	14.355.904
- Bà Đặng Thị Hường – Thành viên BKS	79.506.746	-
- Bà Lưu Thị Lý – Kế toán trưởng	61.330.578	61.430.449

b) Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico	Ông Hoàng Hà Phương Chủ tịch HĐQT của DS3 đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Nalico

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nalico		
- Phải trả tiền vay	350.000.000	1.000.000.000
- Trả tiền vay	3.000.000.000	3.300.000.000
- Phải trả tiền lãi vay	149.247.123	494.452.055
- Trả tiền lãi vay	-	1.193.264.383
- Phải thu tiền gói thầu xây dựng	24.582.538.066	10.535.193.586
- Thu tiền gói thầu xây dựng	5.026.357.697	23.910.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.02; V.15; V.17.

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

a) Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

- + Lĩnh vực quản lý, bảo trì, tư vấn giám sát, lắp đặt đường thủy
- + Lĩnh vực xây dựng
- + Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản, khách sạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3
 Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực quản lý, bảo trì, tư vấn, lắp đặt đường thủy	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.098.722.825	22.761.609.320	5.674.004.073	40.534.336.218
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.098.722.825	22.761.609.320	5.674.004.073	40.534.336.218
Chi phí bộ phận	(7.299.814.120)	(18.740.540.660)	(3.264.837.996)	(29.305.192.776)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.798.908.705	4.021.068.660	2.409.166.077	11.229.143.442
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(2.823.351.590)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.405.791.852
Doanh thu hoạt động tài chính				1.802.835
Chi phí tài chính				(1.624.445.877)
Thu nhập khác				27.780
Chi phí khác				(1.092.611.689)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.690.564.901
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				768.543.856
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				3.931.380.154



CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực quản lý, bảo trì, tư vấn, lắp đặt đường thủy	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản	Cộng
Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.013.300.000	9.754.808.876	393.886.000	11.161.994.876
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.013.300.000	9.754.808.876	393.886.000	11.161.994.876
Chi phí bộ phận	(816.314.582)	(7.540.949.514)	(75.715.645)	(8.432.979.741)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	196.985.418	2.213.859.362	318.170.355	2.729.015.135
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(1.613.839.520)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.115.175.615
Doanh thu hoạt động tài chính				849.361
Chi phí tài chính				(531.253.424)
Thu nhập khác				371.048
Chi phí khác				(790.189)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				584.352.411
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				28.839.084.552
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				709.244.566

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

b) Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động trong kỳ kế toán của Công ty diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.728.385.046	5.650.243.915	5.728.385.046	5.650.243.915
Phải thu khách hàng	24.839.383.026	9.148.934.353	24.839.383.026	9.148.934.353
Các khoản phải thu khác	55.876.958.124	57.096.266.838	55.876.958.124	57.096.266.838
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	980.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000
Cộng	87.424.726.196	72.875.445.106	87.424.726.196	72.875.445.106
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	43.676.730.095	47.619.712.867	(*)	(*)
Phải trả người bán	13.914.574.474	10.642.690.022	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	3.446.614.921	3.324.469.227	(*)	(*)
Cộng	61.037.919.490	61.586.872.116		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

04. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban sGiám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	9.128.948.316	34.547.781.779	-	43.676.730.095
Phải trả người bán	13.914.574.474	-	-	13.914.574.474
Các khoản phải trả khác	3.446.614.921	-	-	3.446.614.921
Cộng	26.490.137.711	34.547.781.779	-	61.037.919.490
Số đầu năm				
Vay và nợ	5.385.965.544	42.233.747.323	-	47.619.712.867
Phải trả người bán	10.642.690.022	-	-	10.642.690.022
Các khoản phải trả khác	3.324.469.227	-	-	3.324.469.227
Cộng	19.353.124.793	42.233.747.323	-	61.586.872.116

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DS3

Tổ 2, Khu 2, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

05. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

06. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Trần Thị Khánh Ly

Kế toán trưởng



Lưu Thị Lý

Tổng Giám đốc



Đào Vũ Chinh

